

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-9-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hữu Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
2. Bà Trần Thị Quế Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 186/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp VT, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn T kết hôn năm 2010, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 04/8/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà có mâu thuẫn với gia đình chồng, từ đó dẫn đến mâu thuẫn với ông Nguyễn T, ông Nguyễn T thường xuyên mắng chửi, đánh đập bà nên bà đi lên Bình Dương sống ly thân với ông Nguyễn T từ tháng 7/2018 đến nay. Hiện nay bà không còn tình cảm

với ông Nguyễn T nên yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn T.

- Về con chung có hai con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 18/9/2006 và Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2007. Theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có

\* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn T nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Tại bản tự khai ngày 08/8/2022 cháu Nguyễn Thành T và cháu Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

\* Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị Kim Th có đơn xin xét xử vắng mặt và không có văn bản thay đổi yêu cầu khởi kiện.

- Ông Nguyễn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Nguyễn Thị Kim Th được quyền ly ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Kim Th được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 18/9/2006 và Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2007, ông Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

**1.1 Quan hệ tranh chấp:** Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Nguyễn T là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

**1.2 Thẩm quyền giải quyết:** Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 25/8/2022 của Công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác định ông Nguyễn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp VT, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**1.3 Về sự có mặt của đương sự:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn T đã được tòa án triệu tập hợp

lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

*2.1 Về hôn nhân:* bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Nguyễn T kết hôn năm 2011, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Th và ông T được đoàn tụ, nhưng bà Th cương quyết ly hôn, ông T đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này chứng tỏ ông T cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với bà Th. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

*2.2 Về con chung:* bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Nguyễn T có hai con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 18/9/2006 và Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2007 quá trình tố tụng bà Th có yêu cầu được nuôi con chung, các cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay hai con chung còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của các cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th được quyền nuôi con chung cháu Nguyễn Thành T và cháu Nguyễn Thị Thùy Tr.

*2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà Nguyễn Thị Kim Th không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Nguyễn T.

*2.4 Về tài sản chung:* không có

*2.5 Về nợ chung:* không có.

*[3] Về án phí sơ thẩm:* bà Nguyễn Thị Kim Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*[4] Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Th.

1. *Về hôn nhân*: bà Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn ông Nguyễn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2011 ngày 04/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Kim Th được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 18/9/2006 và Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2007.

Ông Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí sơ thẩm*: bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002569 ngày 20/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. *Quyền kháng cáo*: bà Nguyễn Thị Kim Th và ông Nguyễn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Hữu Phúc**